

TOÀ ÁN ND HUYỆN YÊN THẾ
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2020/HNGĐ -ST

Ngày: 20/3/2020

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ – TỈNH BẮC GIANG

- Với thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Luyện

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hải Đăng
2. Bà Nguyễn Thị Thu Ngát

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Vi Văn Cảnh - Kiểm sát viên

Trong các ngày 20 tháng 2, ngày 18 và ngày 20 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2019/TLST-HNGĐ ngày 27/6/2019 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2019/QĐST - DS ngày 26/12/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-DS ngày 21/01/2020 giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T (Nguyễn Văn Q), sinh năm 1974 (Có mặt).

+ *Bị đơn:* Chị Ong Thị P, sinh năm 1976 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

+ *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1943 (Có đơn xin vắng mặt)
2. Anh Nguyễn Hữu N, sinh năm 1994 (Vắng mặt ngày 20 tháng 02 và ngày 18 tháng 3 năm 2020; có mặt ngày 20/3/2020)
3. Chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1998 (Vắng mặt ngày 20 tháng 02 và ngày 18 tháng 3 năm 2020; có mặt ngày 20/3/2020)

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

4. Anh Đặng Văn Đ, sinh năm 1976 (Có mặt ngày 20 tháng 02 và ngày 18 tháng 3 năm 2020; vắng mặt ngày 20/3/2020)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện HL, tỉnh Lạng Sơn.

5. UBND xã Đ, huyện YT, tỉnh Bắc Giang do ông Nguyễn Văn T - cán bộ địa chính đại diện theo ủy quyền (Có đơn xin vắng mặt)

6. UBND huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn Q - Chức vụ: Phó trưởng Phòng Tài nguyên và môi trường huyện (Có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày: anh và chị Ong Thị P tự nguyện tìm hiểu rồi kết hôn vào năm 1994, đăng ký kết hôn ngày 26/01/1994 ở UBND thị trấn Nông trường Cam Bó Hạ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (Nay thuộc UBND xã Quang Thịnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhau ở Trường Sơn, xã Đông Sơn, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang hiện nay. Cuộc sống vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2005 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do chị P đi nước ngoài làm ăn và thỉnh thoảng mới về thăm gia đình rồi lại đi ngay, từ đó vợ chồng tôi cũng ít quan tâm đến nhau, dần dần tình cảm vợ chồng không còn nữa, vợ chồng không ai quan tâm tới ai và sống ly thân 8 năm. Nay tình cảm vợ chồng tôi không còn nên anh xin ly hôn với chị Ong Thị P.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là Nguyễn Hữu N, sinh năm 1994 và Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1998, hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Đối với mảnh đất diện tích 4166,7m² ở thửa số 79 bản đồ số 105 ở thôn Trường Sơn, xã Đông Sơn, huyện Yên Thế, Bắc Giang và ngôi nhà có nguồn gốc mảnh đất là do mẹ đẻ anh là bà Nguyễn Thị P có hợp đồng nhận khoán của Nông trường cam Bó Hạ. Năm 1995, 1996 vợ chồng anh chuyển sang trồng cây và làm nhà 03 gian, thời gian đầu vợ chồng anh trồng cam, sau đó trồng vải. Vợ chồng anh sử dụng ổn định từ đó đến nay. Đến năm 2009 phá bỏ nhà 03 gian và xây dựng nhà 02 tầng và các công trình trên đất như hiện tại. Nay chị Pyêu cầu chia đất và nhà trên đất thì đề nghị Tòa án giải quyết chia đôi đất và nhà, ông đề nghị lấy phần đất có nhà và sẽ trả phần chênh lệch cho chị Phương.

Bị đơn chị Ong Thị P trình bày: Vợ chồng chị kết hôn và có đăng ký hôn tại ở UBND thị trấn Nông trường Cam Bó Hạ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (Nay thuộc UBND xã Quang Thịnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang quản lý)

từ năm 1994 sau đó quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2005 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Về mâu thuẫn của vợ chồng là do chị đi nước ngoài làm ăn nên vợ chồng sống xa nhau nên dần dần tình cảm vợ chồng không còn nữa, không ai quan tâm tới ai cả và đã sống ly thân được 8 năm nay. Nay anh Tân có đơn xin ly hôn chị đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng chị có 2 con chung là Nguyễn Hữu N, sinh năm 1994 và Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1998. Hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con chung.

Về tài sản chung: Đề nghị chia tài sản chung vợ chồng là mảnh đất diện tích 4166,7m² ở thửa số 79 bản đồ số 105 ở thôn Trường Sơn, xã Đông Sơn, huyện Yên Thế, Bắc Giang và ngôi nhà trên đất, nguồn gốc mảnh đất là do mẹ chồng chị bà Nguyễn Thị P có hợp đồng nhận khoán của Nông trường cam Bồ Hạ. Năm 1995 vợ chồng chị chuyển sang đất trồng cây và làm nhà 03 gian, thời gian đầu vợ chồng chị trồng cam, sau đó trồng vải. Vợ chồng chị sử dụng ổn định từ đó đến bây giờ. Năm 2009 chị phá bỏ nhà 03 gian và xây dựng nhà 02 tầng và các công trình trên đất như hiện tại. Nay chị đề nghị chia nhà và đất làm 4 phần cho anh Tân, 02 con và chị. Chị nhận phần đất có nhà và trả phần chênh lệch cho anh Tân và 02 con.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Nguyễn Thị P: Bà là mẹ đẻ của anh Tân và là mẹ chồng của chị Phương: Nguồn gốc mảnh đất chị Phan Tân ở hiện nay là do bà ký hợp đồng giao khoán với Nông trường cam Bồ Hạ từ năm 1991, năm 1995, 1996 bà có bảo vợ chồng anh Tân, chị Psang đất giao khoán đó ở riêng bà cho anh T, chị Psang ở để trông bờ bãi và làm đất vì vợ chồng anh T, chị Plàm trên đất nên vợ chồng anh T, chị Ptrả sản cho nông trường cam Bồ Hạ, lợi nhuận thu được từ cây thì anh T, chị Phưởng. Sau khi cam chết thì vợ chồng anh T, chị Ptrồng vải. Năm 1996 vợ chồng anh T, chị P xây nhà 03 gian và đến 2009 thì phá đi xây nhà 02 tầng. Nay chị P yêu cầu chia đất và nhà trên đất thì bà đồng ý theo ý kiến của anh T là chia đôi đất và anh T lấy phần đất có nhà và trả phần chênh lệch cho chị P

Anh Đặng Văn Đ trình bày: Ngày 08/4/2015 anh có thỏa thuận với anh T về việc thuê diện tích đất tại thửa đất số 79, tờ bản đồ số 105 diện tích 4166,7m² tại thôn Trường Sơn, xã Đông Sơn, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang để mở xưởng gỗ bóc, hai bên có thỏa thuận thời hạn thuê đất là 06 năm kể từ ngày 08/4/2015 đến ngày 08/4/2021 là hết hạn hợp đồng, hai bên thỏa thuận thanh toán tiền thuê đất bằng tiền mặt anh đã thanh toán tiền thuê đất đủ số tiền 236.000.000đ (Hai trăm ba mươi sáu triệu đồng), nay việc chia tài sản của anh T và chị P đề nghị Tòa án giải

quyết theo quy định anh đề nghị được tiếp tục sử dụng phần đất thuê đất hết thời hạn thuê đất là ngày 08/4/2021.

Anh Nguyễn Hữu N trình bày: Anh là con trai của ông T, bà P anh bắt đầu đi học từ năm 2000 đến 2012, năm 2005 bà P đi xuất khẩu lao động ông Tân ở nhà đến năm 2009 gia đình anh xây nhà mới do bà P hương gửi tiền về; từ năm 2012 đến năm 2016 anh đi làm công nhân công việc không ổn định; năm 2017 anh lấy vợ vẫn ở chung với ông Tân, bà P. Trong quá trình chung sống với ông Tân, bà P anh không đóng góp được gì nguyện vọng của anh là đề nghị Tòa án giao phần đất có nhà cho bà P.

Chị Nguyễn Thị Mỹ L: Chị là con của ông Tân, bà P chị đi học từ năm 2004 đến năm 2016 năm 2005 bà P đi xuất khẩu lao động ông Tân ở nhà chăn nuôi làm bãi đến năm 2009 bà P gửi tiền về xây nhà, hiện nay ông Tân, bà P có 5000m đất và ngôi nhà, từ năm 2016 chị học xong đi làm nhưng chưa có đóng góp gì nguyện vọng của chị là đề nghị Tòa án giao phần đất có nhà cho bà P.

UBND xã Đông Sơn trình bày: Nguồn gốc diện tích đất của ông Nguyễn Văn T là của bố mẹ ông T nhận khoán của Nông trường cam bố Hạ từ năm 1981 hiện nay ở tờ bản đồ 105, thửa số 79, theo bản đồ địa chính được phê duyệt thì chủ sử dụng đất mang tên bà Ong Thị P.

UBND huyện Yên Thế trình bày: Thửa đất số 79, tờ bản đồ 105 diện tích 4166,7m ở thôn Trường Sơn, xã Đông Sơn hiện nay UBND huyện Yên Thế chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân; đề nghị Tòa án liên hệ với UBND xã Đông Sơn để xác minh nguồn gốc đất đai làm căn cứ giải quyết theo quy định.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

* Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

+ Đối với nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

+ Bị đơn: Chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chấp hành đúng quy định của pháp luật

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 144, Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; Điều 38, Điều 55, Điều 57, Điều 59, Điều 62, Điều 63 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 213, Điều 219, Điều 220 BLDS năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326 của UBTVQH ngày 30/12/2016.

- *Về quan hệ hôn nhân:* công nhận sự thuận tình ly hôn của anh T với chị

Phương;

- Về tài sản chung:

+ Chia chị P quản lý, sử dụng diện tích đất 2.955,2 m² tại thửa số 79, tờ bản đồ 105 thôn Trường Sơn, xã Đông Sơn, huyện Yên Thế. Đất có các điểm mốc từ điểm 7 đến điểm số 10, từ điểm số 10 đến điểm số 17, từ điểm số 17 đến điểm số 18, từ điểm 18 đến điểm số 7. Các tài sản trên đất gồm 01 ngôi nhà ở ; 01 Nhà bếp diện tích 49,45 m² trị giá 24.253.000đ; 01 Bán mái xây năm 2012 diện tích sử dụng 19,5 m²; 01 Khu chăn nuôi xây năm 2012 diện tích 51,15m² ; chị P phải trích chia giá trị chênh lệch tài sản cho anh T

+ Chia cho anh T diện tích 3.357,8 m² tại thửa số 79, tờ bản đồ 105 thôn Trường Sơn, xã Đông Sơn, huyện Yên Thế. Đất có các điểm mốc từ điểm số 7 đến điểm số 18, đến điểm số 19, đến điểm số 5, đến điểm số 7.

- Về án phí: Anh T, chị P phải chịu án phí theo quy định

- Về chi phí thẩm định và định giá tài sản: Chị P tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định và định giá tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa Tòa án nhân dân huyện Yên Thế nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ và có đơn xin vắng mặt do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ong Thị P và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu rồi kết hôn vào năm 1994, đăng ký kết hôn ngày 26/01/1994 ở UBND thị trấn Nông trường Cam Bó Hạ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (Nay thuộc UBND xã Quang Thịnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhau ở Trường Sơn, xã Đông Sơn, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang hiện nay. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2005 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do chị P đi nước ngoài làm ăn và thi thoảng mới về thăm gia đình rồi lại đi ngay, từ đó vợ chồng ít quan tâm đến nhau, dần dần tình cảm vợ chồng không còn nữa. Đến nay anh T xin ly hôn, chị P đồng ý do vậy Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh T, chị Phương.

Về con chung: Các con của anh T chị P đã trưởng thành, không bị hạn chế khả năng lao động anh T chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Tài sản chung: Tại phiên tòa anh T chị P xác định vợ chồng có các tài sản chung và yêu cầu Tòa giải quyết gồm:

Diện tích đất: tại số thửa 79, tờ bản đồ 105 Thôn T, xã Đ, huyện YT, tỉnh Bắc Giang. Về nguồn gốc diện tích đất này từ năm 1991, Bà Nguyễn Thị P là mẹ đẻ anh T, chị P có ký hợp đồng giao khoán với Nông trường cam Bồ Hạ, thời gian sử dụng đất từ năm 1991 đến năm 2001; tuy nhiên hiện nay Nông trường cam đã giải thể diện tích đất Nông trường cam giao khoán tiếp tục giao cho các hộ dân giao khoán tiếp tục sử dụng. Năm 1995 bà Phi cho anh T làm nhà và sử dụng đất từ đó đến nay. Bà Phi không yêu cầu gì, do đó xác định thửa đất số thửa 79, tờ bản đồ 105 thôn Trường Sơn, xã Đông Sơn là tài sản chung của anh T, chị Phương. Diện tích đất này hiện nay chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng qua xác minh UBND xã Đông Sơn diện tích đất này có thể tiếp tục giao cho đương sự tiếp tục sử dụng và đủ điều kiện để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Căn cứ vào Biên bản thẩm định và định giá xác định giá trị tài sản như sau:

Diện tích đất tại số thửa 79, tờ bản đồ 105 thôn Trường Sơn, xã Đông Sơn diện tích 6313m² trong đó có 6.808,7m² đất vườn, 134,3m² hành lang giao thông.

Giá trị 6.178,7m² x 42.000đ = 259.505.400đ;

Trên đất có các tài sản nhà hai tầng cấp ba loại ba: tầng 1 diện tích 85,085m² tầng hai diện tích 51,4m² trị giá 234.932.000đ; nhà bếp diện tích 49,45m² trị giá 24.253.000đ; Bán mái diện tích 19,5m² trị giá 723.000đ; khu chăn nuôi xây năm 2012 diện tích 51,15m² trị giá 11.452.000đ; còn các tài sản khác như sân gạch, cổng sắt và các tài sản vật dụng trong gia đình anh T, chị P không yêu cầu giải quyết. Giá trị tài sản trên đất là 271.360.000đ, tổng giá trị đất và tài sản là 530.865.400đ.

Tại phiên tòa chị P đề nghị chia tài sản chung làm 4 phần cho chị anh T, và hai con, chị xin lấy phần đất có nhà; anh T đề nghị chia đôi tài sản chung

Tòa án thấy rằng anh T, chị P và hai con là N, và L đều thống hai con N và L khi còn nhỏ được bố mẹ nuôi ăn học hiện nay anh N đã xây dựng gia đình, chị L đi làm nhưng không đóng góp gì vào việc tu tạo khối tài sản chung của gia đình, chị P vẫn phải chu cấp kinh tế cho các con, do đó chị P đề nghị Tòa án chia đều tài sản chung cho bốn thành viên trong gia đình là không có căn cứ, đây là tài sản chung hợp nhất của anh T và chị P do vậy khi ly hôn cần chia cho anh T và chị P là phù hợp với các quy định tại Điều 59 Luật hôn nhân gia đình, Điều 213, Điều 219 Bộ luật dân sự

Về cách chia: Hiện nay anh T, chị P đều có nhu cầu về đất đai và chỗ ở, Tòa án thấy rằng diện tích đất tại số thửa 79, tờ bản đồ 105 có thể chia theo phần được do vậy Tòa án chia cho anh T, chị P mỗi người một phần quyền sử dụng đất tại

thửa đất số 79, tờ bản đồ 105. Tuy nhiên hiện nay chị P không có nơi ở nào khác, anh T có thể ở cùng với mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị P nên Tòa án giao phần đất có nhà cho chị P, giao phần đất không có nhà cho anh T. Anh T hiện nay có khó khăn về chỗ ở do vậy anh T có quyền lưu cư trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về phần chênh lệch giá trị tài sản được nhận: Chị P được nhận phần đất có nhà và công trình trên đất khác như bếp, công trình chăn nuôi nên giá trị tài sản lớn hơn phần quyền sử dụng đất anh T được nhận nên chị P có trách nhiệm trích chia phần chênh lệch cho anh T. Mặt khác nguồn diện tích đất số thửa 79, tờ bản đồ 105 thôn Trường Sơn có nguồn gốc của bà Nguyễn Thị P ký kết với Nông trường cam bố hạ sau đó cho anh T chị P do đó khi chia tài sản chung, anh T được phần nhiều hơn là phù hợp với quy định tại Điều 59 Luật hôn nhân gia đình.

Đối với hợp đồng thuê đất giữa anh Đ với anh T chị Phương: Năm 2015 anh Định có ký hợp đồng thuê diện tích đất tại số thửa 79, tờ bản đồ 105 thời gian thuê là 5 năm đến tháng 4/2021 hết hạn hợp đồng, anh Đ có xây dựng tạm xưởng sản xuất; tại phiên tòa các đương sự thống nhất tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về công nợ chung, ruộng canh tác chung: chị P, anh T không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về chi phí định giá, thẩm định tài sản, chị P tự nguyện chịu cả số tiền chi phí định giá và thẩm định là 8.500.000đ.

Về án phí: anh T, chị P phải chi án phí theo quy định Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, điểm b, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 33, Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 213, Điều 219 Bộ luật dân sự. Điều 28, Điều 35, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 166, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Xử:

Quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Ong Thị P.

Về tài sản: Chia cho chị Ong Thị P thửa đất có ký hiệu 235 diện tích 2955,2m²

trong đó có 2879,9m² đất vườn và 75,3m² đất hành lang giao thông trị giá 120.955.800đ tại thửa đất số 79, tờ bản đồ 105 thôn Trường Sơn, xã Đông Sơn, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang phần đất chị Pđược chia có tứ cận như sau phía Bắc giáp đất nông nghiệp, phía Nam giáp đường đi, phía Đông giáp đất ông Lê Thanh Khẩn và ông Hà Đức Kết, phía Tây giáp thửa đất ký hiệu 234 chia cho anh Nguyễn Văn T (*Có sơ đồ kèm theo bản án*) trên đất có các tài sản sau: 01 nhà hai tầng cấp ba loại ba tầng 1 diện tích 85,085m², tầng hai diện tích 51,4m² trị giá 234.932.000đ; nhà bếp diện tích 49,45m² trị giá 24.253.000đ; Bán mái diện tích 19,5m² trị giá 723.000đ; khu chăn nuôi xây năm 2012 diện tích 51,15m² trị giá 11.452.000đ. Chị Pcó trách nhiệm trích chia giá trị chênh lệch về tài sản cho anh T là 150.000.000đ; giá trị tài sản chị Pđược nhận sau khi trích chia cho anh T là 242.315.800đ.

Chia cho anh Nguyễn Văn T thửa đất có ký hiệu 234 diện tích 3357,8m² trong đó có 3.298,8m² đất vườn và 59m² đất hành lang giao thông trị giá 138.549.600đ tại thửa đất số 79, tờ bản đồ 105 thôn Trường Sơn, xã Đông Sơn, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang phần đất anh T được chia có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đất nông nghiệp, phía Nam giáp đường đi, phía Đông giáp thửa đất ký hiệu 235 chia cho chị Ong Thị P, phía Tây giáp đất ông Hà Ngọc Đức. (*Có sơ đồ kèm theo bản án*); anh Tđược nhận số tiền 150.000.000đ chị Ptrích chia, tổng giá trị tài sản anh T được nhận là 288.549.600đ.

Anh T hiện được quyền lưu cư trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 14.427.480đ tiền án phí chia tài sản nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ tại biên lai thu số AA/2014/0004391, ngày 21/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế; anh T tiếp tục phải nộp số tiền là 14.427.480đ. Chị Ong Thị P phải chịu 12.115.790đ tiền án phí chia tài sản chung nhưng được trừ vào số tiền 6.000.000đ đã nộp tại biên lai thu số AA/2014/0004437, ngày 27/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế bà P tiếp tục phải nộp số tiền là 6.115.790đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về chi phí định giá, thẩm định tài sản, chị P tự nguyện chịu cả số tiền 8.500.000đ, xác nhận chị P đã nộp đủ số tiền này.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, điều 7, điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- UBND xã Đông Sơn
- Lưu HS./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Luyện

